

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 536/2024/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, Về việc “ Xin ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị M, sinh năm 1975.

- Bị đơn: anh Cao Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: cùng ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55;71;72;81;107;116;117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị M, sinh năm 1975 với anh Cao Văn T, sinh năm 1979 được ly hôn.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: chị Phạm Thị M với anh Cao Văn T, xác định không có con chung.

Về tài sản chung: chị Phạm Thị M và anh Cao Văn T, khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

Nợ chung: chị Phạm Thị M và anh Cao Văn T khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm chục ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào

300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004960, ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, chị M được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.

- Anh Cao Văn T không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Càng Long;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện Càng Long.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lê Văn Tâm